

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 5 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn

2. Bà Hoàng Thị Trọng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST - HNGĐ, ngày 17/3/2021 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã B, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1994 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Hiện anh Hạnh đang chấp hành án tại Đội 8, phân trại số 4, Trại giam Ninh Khánh, Cục C10 - Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị N trình trình bày: Tôi và anh Nguyễn Bá H kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, có được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở nhà chồng được khoảng 01 năm thì vợ chồng thuê phòng trọ ở và làm ăn tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11/2016 thì anh H bị bắt về tội Vân chuyển trái phép chất ma túy và đi chấp hành án 18 năm tù tại trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay

và chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh H không có con chung.

Về tài sản: Tôi và anh H không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Bá H trình bày: Tôi và chị Triệu Thị N kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thuê nhà và làm ăn tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi bị bắt về tôi Vận chuyển trái phép chất ma túy, sau khi tôi được chuyển về trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình từ năm 2018 thì cô N không quan tâm gì đến tôi, nay cô N làm đơn xin ly hôn tôi nhất trí và tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và cô N không có con chung.

Về tài sản: Tôi và cô N không có tài sản chung không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Ngoài các ý kiến trình bày trên tôi đề nghị xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, xin vắng mặt tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành và xin xét xử vắng mặt vì tôi đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh không về Tòa án được.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị N giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của chị N (bản sao); 01 giấy khai sinh của chị Nga (bản sao), 01 đơn xin từ chối hòa giải và từ chối hòa giải viên. Anh H không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, về con chung không có, về tài sản không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai. Anh Nguyễn Bá H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147 và Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Triệu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Bá H.

+ Về con chung: không có.

+ Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

+ Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh H xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên hòa giải, do anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, Bộ Công an nên vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Nguyễn Bá H cư trú tại: xóm L, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Bá Hạnh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh Hạnh là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Triệu Thị N và anh Nguyễn Bá H kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị N cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị N cho rằng anh H không nghe lời chị, anh H phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh bị bắt về hành vi Vận chuyển trái phép chất ma túy, sau khi anh được chuyển đến chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình từ năm 2018 thì chị N không quan tâm và không thăm nom gì anh, nay chị N làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2016 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị N, cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Bá H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị N và anh H cùng xác định vợ chồng không có con chung.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị N, anh H cùng xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị N, cho chị Nga được ly hôn anh Nguyễn Bá H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay chung và không vay nợ ai chung.

4. Về án phí. Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013791 ngày 17/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI